

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-PT

Ngày 23- 10 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng
thiết kế, thi công nội thất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Bà Chu Lệ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thiết kế, thi công nội thất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ: Số Z S, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số Y ngõ F X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành N, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Văn T, luật sư công ty Luật H và đồng nghiệp; địa chỉ: K Tổng cục Z, huyện T, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Lan P; trú tại: Số X, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Ông Vũ Kim Thành L; trú tại: Số J, V, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3.2. Ông Đào Quyết T; địa chỉ: Công ty A, Số Z S, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.3. Bà Bùi Như Hoàng H; trú tại: Căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Như Hoàng H: Bà Ngô Lan P; trú tại: Số X, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017). Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Chu Hữu N; trú tại: Đội K, xóm C, xã S, huyện T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

4.2. Ông Nguyễn Văn Q; trú tại: Đội L, K, T, Hà Nội. Có mặt.

4.3. Ông Đào Hữu T; trú tại: Số K, V, H, Hà Nội. Có mặt.

4.4. Ông Nguyễn Tiến D; trú tại: Số O, M, Hà Nội. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Công ty A, là nguyên đơn.

6. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ông Liễu Anh M là bạn học của ông Đỗ Thành N, giám đốc Công ty A (sau đây viết tắt là Công ty A) và là đồng nghiệp của bà Ngô Lan P tại Sở S tỉnh Lạng Sơn. Khoảng đầu tháng 9 năm 2014 ông Liễu Anh M giới thiệu cho bà Ngô Lan P gặp ông Đỗ Thành N để nhờ ông N hoàn thiện, thi công nội thất căn hộ cho bà P ở Hà Nội. Ngày 03/9/2014 giữa bà Ngô Lan P và ông Đỗ Thành N có thỏa thuận bằng miệng về việc thuê, giao nhận thầu thiết kế, thi công nội thất căn hộ số H, T, quận N, thành phố Hà Nội theo thiết kế đã có sẵn và theo ý tưởng của bà P. Trên cơ sở bản thiết kế, phía Công ty A đã gửi bản dự toán với tổng giá trị hoàn thiện công trình là 362.738.525đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng), bà Ngô Lan P đã đồng ý với bản dự toán này. Phần lớn mọi trao đổi, giao dịch giữa hai bên được thực hiện qua điện thoại và email.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng: Theo "Nhật ký thi công" do Công ty A cung cấp có trong hồ sơ và lời khai các bên thể hiện, ngày 16/9/2014 Công ty A bắt đầu thi công việc sửa chữa căn hộ. Các nội dung và giá trị hợp đồng mà Công ty đã thực hiện là 585.059.074đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tư đồng). Trong thời gian thi công, bà P đã chuyển tạm ứng cho Công ty A nhiều lần với số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng). Phía công ty đã thi công xong phần thô, đến khi sang phần thi công giai đoạn hai là sản xuất đồ gỗ và nội thất, phía Công ty A đã hoàn thiện xong hai phòng trẻ em; khi thi công phòng khách, bếp, phòng ngủ người lớn thì xảy ra mâu thuẫn. Trước tết

Nguyên đán năm 2015 bà Ngô Lan P yêu cầu Công ty giao chìa khóa để vào làm lễ thấp hương, chưa làm biên bản nghiệm thu công trình, sau đó bà P giữ luôn chìa khóa, không cho Công ty tiếp tục thi công phần còn lại. Sau tết Nguyên đán năm 2015, Công ty A liên hệ nhiều lần với bà Ngô Lan P để tiếp tục thi công hoàn thiện dứt điểm công trình nhưng bà P không có ý kiến gì, Công ty gửi email thì bà P thông báo bà đã bán căn hộ. Sau khi nghe bà P thông báo đã bán nhà, Công ty đã đến gặp trực tiếp để nghiệm thu thanh quyết toán công trình, nhưng bà P không hợp tác.

Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà P thanh toán số tiền thiết kế, quản lý, thi công và hoàn thiện căn hộ số H, T, quận N, Hà Nội theo hợp đồng mà bà P còn nợ, tổng cộng là 399.262.000 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng), gồm các khoản:

Số tiền thi công còn lại 234.890.000 đồng.

Tiền thiết kế công trình 24.190.000 đồng.

Tiền quản lý và trông nom, vệ sinh 26.000.000 đồng.

Tiền phụ cấp ngày nghỉ cho nhân công được bà P yêu cầu làm vào ngày nghỉ 22.500.000 đồng ($4 \text{ công} \times 15 \text{ ngày} \times 250.000 \times 150\%$).

Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày 27/6/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) lãi suất 1,2%/tháng/số tiền chậm thanh toán = 79.682.000 đồng.

Các tài sản, máy móc thi công để lại tại công trình có giá trị 12.000.000 đồng

Bà Ngô Lan P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Bản thiết kế là do bà P cung cấp chứ không phải do ông N thiết kế và hợp đồng giữa bà P với ông N là hợp đồng trọn gói nên toàn bộ vệ sinh, trông coi vật liệu, tiền phụ cấp làm vào ngày nghỉ, đều do ông N tự chịu. Ngoài ra bà P không đơn phương chấm dứt hợp đồng mà do ông N tự ý dừng việc thi công; toàn bộ đồ gỗ ông N làm không đúng yêu cầu của bà nên trong tết nguyên đán 2015 bà đã yêu cầu tháo dỡ và chuyển đi. Ông N hứa sẽ thay lại toàn bộ phần gỗ theo đúng yêu cầu của bà nhưng sau đó mấy tháng không thấy ông N thực hiện nên bà đã mời ban quản lý tòa nhà đến lập biên bản hiện trạng rồi mới thuê Công ty khác thực hiện việc sửa chữa căn hộ. Mặt khác bà P cho rằng theo thỏa thuận thì sau khi phía Công ty thi công bà P có yêu cầu ông N sau mỗi phần việc phải gửi cho bà P bản xác nhận những công việc đã làm, tuy nhiên phía Công ty không thực hiện. Thỉnh thoảng vào thứ 7, chủ nhật bà P cũng có xuống công trình để kiểm tra tiến độ thi công, đến khi gần tết Nguyên đán năm 2015 bà P yêu cầu phía Công ty đẩy nhanh tiến độ thi công thì xảy ra tranh chấp. Bà P cũng cho rằng toàn bộ chứng từ ông N đưa ra là giả mạo. Nay bà P chỉ chấp nhận thanh toán cho phía Công ty A tiền công lát nền nhà và phá dỡ phần vách ngăn công trình phụ. Số tiền bà P đã chuyển tạm ứng cho Công ty 300.000.000 đồng là vượt quá giá trị thi công. Quá trình giải quyết vụ án bà P đề nghị lấy số tiền bà P đã tạm ứng trừ số tiền đã thi công, số tiền còn thừa đề nghị Công ty trả lại cho bà P.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ

đối với căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không hợp tác nên việc thẩm định không có kết quả.

Với nội dung trên, bản án số 04/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 121, 141, 143, 290 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty A đã thi công, sửa chữa căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội, tổng cộng các hạng mục có giá trị là: 214.352.514 đồng. Xác nhận bà Ngô Lan P đã tạm ứng trước 300.000.000 đồng, nay buộc Công ty A phải trả lại cho bà Ngô Lan P, địa chỉ: Số X, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn số tiền thi công còn thừa là 85.647.486 đồng (tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty A. Địa chỉ liên hệ: Số D, ngõ W, đường L, quận H, thành phố Hà Nội về việc đòi bà Ngô Lan P phải thanh toán thêm số tiền 399.262.000 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) thi công sửa chữa căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Ngô Lan P trả số tiền thi công còn nợ theo đơn khởi kiện và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/6/2017 là 399.000.000 đồng, trong đó;

Tiền thi công còn lại 234.890.000 đồng.

Tiền thiết kế công trình 24.190.000 đồng.

Tiền quản lý trông nom, vệ sinh căn hộ 26.000.000 đồng.

Tiền phụ cấp ngày nghỉ cho công nhân do bà P yêu cầu làm vào ngày nghỉ 22.500.000 đồng.

Tiền máy móc để lại công trình 12.000.000 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày 27/6/2017 là 79.682.000 đồng.

Tại Quyết định kháng nghị số 37/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, vì các lý do sau:

Thứ nhất: Việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm chưa chính xác. Bởi việc thỏa thuận giữa bà P và ông N về việc thiết kế, thi công, cải tạo, xây lắp, sửa chữa căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội được xác định là những nội dung của hợp đồng dịch vụ xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó cần căn cứ vào quy định chung của hợp đồng dân sự và quy định về hợp đồng dịch vụ của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 121, 141, 143, 290 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là không đúng và không có căn cứ pháp luật.

Cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ (chưa xem xét thẩm định tại chỗ) chỉ căn cứ vào các lời khai không thống nhất của các bên và các tài liệu chứng cứ các bên cung cấp để giải quyết vụ án là không đảm bảo có đủ căn cứ. Trình tự thủ tục thực hiện việc xem xét thẩm định không thực hiện đúng quy định của pháp luật, không làm rõ việc bà Phương có nhận được quyết định xem xét thẩm định tại chỗ hay không, lý do vì sao bà P không tạo điều kiện để Hội đồng thẩm định làm việc.

Thứ hai: Tại biên bản làm việc giữa bà P với Công ty A ngày 01/9/2015 bà P thừa nhận Công ty đã thực hiện được nhiều nội dung công việc phần hoàn thiện hạng mục nội thất, tuy nhiên không đúng theo yêu cầu của bà, chất lượng kém, giá cao... Như vậy có căn cứ cho rằng Công ty A đã thực hiện một phần hạng mục hoàn thiện nội thất. Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét và không chấp nhận yêu cầu của Công ty A đối với những nội dung công việc hoàn thiện nội thất đã thực hiện là không đảm bảo có căn cứ.

Về án phí: Cấp sơ thẩm buộc Công ty A phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 85.647.486 đồng phải hoàn trả cho bà P là không đúng quy định của pháp luật về án phí, vì yêu cầu này của bà P không được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là một yêu cầu độc lập để giải quyết, đây chỉ là nội dung về thanh toán theo hợp đồng giữa các bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn, bà Ngô Lan P đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Giữ nguyên kháng nghị về việc áp dụng pháp luật; về việc xem xét và chấp nhận yêu cầu của Công ty A đối với những nội dung công việc hoàn thiện nội thất đã thực hiện và việc tính án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 85.647.486 đồng (tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng); rút nội dung kháng nghị về việc thu thập chứng cứ (việc xem xét, thẩm định tại chỗ). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, cụ thể buộc bà

Ngô Lan P phải thanh toán thêm cho Công ty A số tiền là 90.000.000đồng (chín mươi triệu đồng) và buộc Công ty phải chịu án phí với số tiền không được chấp nhận, bà Ngô Lan P phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán thêm cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ khẳng định giữa Công ty A với bà Ngô Lan P có thỏa thuận và thống nhất về việc Công ty A thi công và hoàn thiện phần nội thất căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội cho bà P. Việc thỏa thuận trên không thể hiện bằng văn bản nhưng cả hai bên đều thể hiện nhất trí với bản thiết kế, bản dự toán, bảng khái toán về hạng mục công trình cần cải tạo, xây lắp hoàn thiện nội thất, cũng như về quy cách, chất liệu, đơn giá, nên được xác định đây là một loại “hợp đồng dịch vụ”. Những nội dung của hợp đồng dịch vụ đã làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng. Mặc dù không ký kết bằng văn bản, nhưng thực tế các bên đã thực hiện các nội dung của hợp đồng theo thỏa thuận và theo bảng thiết kế, khái toán, dự toán nêu trên; bà P đã chuyển tiền tạm ứng cho ông N để Công ty A thực hiện xong hạng mục cải tạo phần xây lắp, khi đang thi công hạng mục hoàn thiện nội thất thì mới phát sinh tranh chấp. Ngày 09/02/2015 bà P đã nhắn tin cho ông N yêu cầu chấm dứt thực hiện tiếp dịch vụ. Do đó cần căn cứ vào quy định chung của hợp đồng dân sự và hợp đồng dịch vụ quy định tại các Điều 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 121, 141, 143, 290 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là chưa chính xác.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và ra quyết định trưng cầu giám định đối với căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội, nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Lan P không hợp tác nên việc thẩm định không có kết quả. Tại giai đoạn phúc thẩm ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty A có đơn yêu cầu Tòa án tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng và tiến hành định giá tài sản đối với các hạng mục thi công, cải tạo căn hộ H, T, quận N, Hà Nội. Đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 Công ty A có đơn xin rút lại yêu cầu trên, với lý do quá trình xảy ra sự việc đã lâu, có thể trong căn hộ không còn nguyên trạng như lúc mới thi công xong, hoặc chủ nhà có tình thay đổi và tự tháo dỡ... Đồng thời phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét dựa trên các căn cứ, ảnh chụp gửi qua email và lời khai của những người làm chứng cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Lan P phải thanh toán cho Công ty A với tổng số tiền còn nợ là 399.000.000đồng, trong đó:

[5] Tiền thi công còn lại là 234.890.000 đồng.

[6] Tiền thiết kế toàn bộ công trình: 24.190.000 đồng.

[7] Tiền quản lý, trông nom, vệ sinh căn hộ: 26.000.000 đồng

[8] Tiền phụ cấp ngày nghỉ cho công nhân: 22.500.000 đồng.

[9] Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 79.682.000đồng

[10] Tiền máy móc để lại công trình 12.000.000 đồng.

[11] Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Thành N và bà Ngô Lan P có lời khai không thống nhất với nhau về các hạng mục đã thi công hoàn thiện nội thất căn hộ H, T, quận N, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, tại thời điểm bà P nhận chìa khóa căn hộ với đại diện của Công ty thì Công ty đã thi công xong phần thô và phần kính đá, điện lạnh, phần gỗ phía Công ty đã thi công xong 2 phòng ngủ của con trai và con gái bà P có trị giá là 74.176.000 đồng. Phần gỗ phòng khách, tủ bếp, cửa thông phòng do ông Chu Hữu N đã thi công có trị giá là 90.000.000 đồng. Ngoài ra phía Công ty còn mua hộ thiết bị cho bà P với số tiền là 25.571.000đồng. Các khoản trên là những khoản chi phí thực tế mà phía Công ty đã thi công. Khi phát sinh tranh chấp, vụ án đang được Tòa án thụ lý, bà P không hợp tác trong quá trình xem xét thẩm định mà còn nhờ chủ đầu tư khác đến sửa chữa lại căn hộ vào tháng 4/2016 nhưng lại không mời phía Công ty A đến nghiệm thu các hạng mục đã thi công tại căn hộ. Đây là lỗi của bà P đã gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty A, vi phạm Điều 520 và Điều 524 Bộ luật dân sự 2005.

[12] Từ những căn cứ, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn và chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A sửa bản án dân sự sơ thẩm, xử chấp nhận yêu cầu của Công ty A buộc bà Ngô Lan P thanh toán thêm các khoản sau:

[13] Đồ gỗ (phần đã hoàn thiện 2 phòng ngủ trẻ em): 74.176.330đồng.

[14] Phần đồ gỗ đã thi công tại phòng khách, phòng bếp, cửa lùa 90.000.000 đồng.

[15] Phần thiết bị mua hộ: 25.571.500 đồng.

[16] Tổng cộng các khoản được xem xét chấp nhận thêm gồm: 74.176.330 đồng + 90.000.000 đồng + 25.571.500đồng = 189.747.830đồng (một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng cả hai bên cùng có lỗi do vậy mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Bà P phải thanh toán cho Công ty A số tiền là $189.747.830\text{đồng} : 2 = 94.873.915\text{đồng}$

[17] Ngoài ra, bà P phải thanh toán cho công ty A số tiền 214.352.514đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm mà bà P không có kháng cáo.

[18] Như vậy, tổng cộng bà P phải thanh toán cho công ty A số tiền $94.873.915\text{đồng} + 214.352.514\text{đồng} = 309.226.429\text{đồng}$ (ba trăm linh chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), được trừ số tiền bà P đã tạm ứng trước là $300.000.000\text{đồng}$ (ba trăm triệu đồng). Nay bà P còn phải thanh toán tiếp số tiền là $309.226.429\text{ đồng} - 300.000.000\text{ đồng} = 9.226.429\text{ đồng}$ (chín triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

[19] Việc sửa án sơ thẩm là do tình tiết mới, nguyên đơn, công ty A xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ là ảnh nhật ký công trình và lời khai rõ ràng, có căn cứ của những người làm chứng.

[20] Các nội dung kháng cáo của Công ty A yêu cầu bà P thanh toán các khoản chi phí như:

[21] Tiền thiết kế toàn bộ công trình: 24.190.000 đồng.

[22] Tiền quản lý, trông nom, vệ sinh căn hộ: 26.000.000 đồng.

[23] Tiền phụ cấp ngày nghỉ cho công nhân: 22.500.000 đồng.

[24] Tiền máy móc để lại công trình 12.000.000 đồng.

[25] Bà Ngô Lan P không chấp nhận và phía Công ty cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty A.

[26] Về khoản tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 79.682.000 đồng, do quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty có lỗi nên trong các ngày 05/2/2015 và 07/2/2015 bà P đã nhắn tin trách ông N không giữ đúng lời hứa và yêu cầu ông N chấm dứt thi công căn hộ của bà P. Do vậy bà P không đơn phương chấm dứt hợp đồng như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chính vì phía Công ty cũng có lỗi nên không có căn cứ tính lãi theo yêu cầu của Công ty A.

[27] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại. Công ty A phải chịu án phí đối với số tiền khởi kiện không được Tòa án chấp nhận là $585.059.074\text{đồng} - 309.226.429\text{đồng} = 275.832.645\text{đồng} \times 5\% = 13.791.632\text{đồng}$ (mười ba triệu bảy trăm chín mươi một nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp là 8.425.000đồng (tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/00852 ngày 05/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Công ty A còn phải nộp tiếp số tiền là 5.366.632 (năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng). Bà P phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán thêm cho Công ty A là $9.226.429\text{ đồng} \times 5\% = 461.321\text{ đồng}$ (bốn trăm sáu mươi một nghìn ba trăm hai mươi một đồng).

[28] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1, 2 Điều 309;

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 518; 519; 520; 521; 522; 523; 524 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 4 Điều 26 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Buộc bà Ngô Lan P phải trả cho Công ty A số tiền là 309.226.429đồng (ba trăm linh chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng), được trừ số tiền bà P đã tạm ứng trước là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng). Nay bà P còn phải thanh toán 9.226.429đồng (chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty A đòi bà Ngô Lan P phải thanh toán các khoản tiền thiết kế toàn bộ công trình; tiền quản lý, trông nom, vệ sinh căn hộ; tiền phụ cấp ngày nghỉ cho công nhân; tiền máy móc để lại công trình; tiền lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm và hạng mục hoàn thiện, vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Lan P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 461.321đồng (bốn trăm sáu mươi một nghìn ba trăm hai mươi một đồng) sung quỹ Nhà nước.

Công ty A phải chịu 13.791.632đồng (mười ba triệu bảy trăm chín mươi một nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp là 8.425.000đồng (tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/00852 ngày 05/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Công ty A còn phải nộp tiếp số tiền là 5.366.632 (năm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Công ty A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/03249 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2017).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
 - VKSNDCC tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh Lạng Sơn;
 - TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
 - CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
- HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phin